

Số: /KH-SNV

Quảng Ngãi, ngày tháng 9 năm 2025

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số năm 2025 của Sở Nội vụ

- Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

- Căn cứ Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

- Căn cứ Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Căn cứ Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030.

- Căn cứ Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 20/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động chuyển đổi số hoạt động chỉ đạo, điều hành của chính phủ, thủ tướng chính phủ trực tuyến và dựa trên dữ liệu giai đoạn 2024 - 2025, định hướng đến năm 2030.

- Căn cứ Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 16/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng đề án chuyển đổi số của các bộ, ngành, địa phương.

- Căn cứ Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 06/9/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;...

Căn cứ Kế hoạch số 41/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh về Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi năm 2025; Sở Nội vụ xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2025, với những nội dung sau:

I. Mục tiêu

1. Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, hành động của toàn thể công chức, viên chức, người lao động trong thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số ngành Nội vụ. Xác định nhiệm vụ cụ thể cho các phòng, ban, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở để tham mưu, đề xuất, triển khai thực hiện.

2. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong công tác quản lý; tiếp tục sử dụng hiệu quả các hệ thống dùng chung của tỉnh và tích hợp, chia sẻ cơ sở dữ liệu chuyên ngành; nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong việc cải cách hành chính, phục vụ tốt hơn cho tổ chức và công dân.

3. Tăng cường các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin trong hoạt động của cơ quan. Hoàn thiện hạ tầng CNTT; xây dựng, phát triển, hoàn thiện các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành đáp ứng yêu cầu, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin mạng.

4. Thực hiện tốt việc giải quyết hồ sơ TTHC đảm bảo theo quy định; đẩy mạnh triển khai thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình đối với các thủ tục hành chính đã được phê duyệt. Triển khai việc số hóa hồ sơ, kết quả thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát

- Người đứng đầu các phòng, ban, đơn vị gương mẫu, tiên phong, đi đầu trong công tác chuyển đổi số và chịu trách nhiệm về công tác chuyển đổi số trong cơ quan, đơn vị, tổ chức, lĩnh vực phụ trách

- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ vướng mắc cho địa phương, cơ sở; lấy nhiệm vụ phát triển con người, bảo đảm và cải thiện dân sinh làm mục đích, minh bạch hóa và tăng cường sự tham gia của người dân và doanh nghiệp.

2. Thể chế, chính sách số

Ban hành các chỉ số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo Sở trên môi trường điện tử; rà soát các chế độ báo cáo (*bảo đảm chỉ ban hành những chế độ báo cáo thật sự cần thiết*); cắt giảm các chế độ báo cáo đã được thay thế bằng dữ liệu số có sẵn từ các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu; nghiên cứu chính sách hỗ trợ liên quan đến công tác chuyển đổi số.

3. Hạ tầng số

- Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin, phát triển hệ thống mạng, xây dựng hệ thống trang thiết bị hợp trực tuyến đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị.

- Đầu tư trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ thực hiện chuyển đổi toàn bộ địa chỉ giao thức Internet thế hệ cũ (Ipv4) sang sử dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (Ipv6).

4. Nhân lực số

- Lồng ghép vào các cuộc hội, họp nhằm truyền thông, nâng cao kiến thức, nhận thức cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý về chuyển đổi số

- Tích cực tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về chuyển đổi số, kỹ năng số gắn với cải cách hành chính, công vụ cho đội ngũ CBCCVCLĐ.

- Tổ chức, phối hợp tổ chức các khóa tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng khai thác, sử dụng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung, chuyên ngành

cho CBCCVCLĐ theo nhu cầu của cơ quan, đơn vị.

- Rà soát, kiện toàn đội ngũ cán bộ phụ trách chuyển đổi số, công nghệ thông tin, an toàn thông tin; bố trí, sắp xếp lực lượng cán bộ kỹ thuật phục vụ triển khai, cung cấp các dịch vụ đô thị thông minh, bảo đảm an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh.

5. Phát triển dữ liệu số

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các chức năng, tính năng Cổng dịch vụ công; Hệ thống quản lý hồ sơ công chức, viên chức; Hệ thống thư điện tử công vụ; Hệ thống quản lý văn bản và điều hành; Hệ thống thông tin báo cáo; ứng dụng chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trong các cơ quan, đơn vị hành chính nhà nước.

- Triển khai công tác số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực tại cơ quan nhà nước cấp huyện, cấp xã theo Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ; bảo đảm Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân để tổ chức, cá nhân thuận tiện trong lưu trữ, quản lý và khai thác trong hoạt động hằng ngày, thúc đẩy nâng cao tỷ lệ tái sử dụng kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

- Lựa chọn, tổ chức xây dựng, phát triển, triển khai các ứng dụng, dịch vụ chuyển đổi số quản lý nhà nước chuyên ngành, lĩnh vực theo hướng trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với điều kiện bố trí nguồn lực thực hiện; kết nối, liên thông, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, lĩnh vực của Bộ Nội vụ.

- Đẩy mạnh triển khai Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên toàn địa bàn tỉnh một cách đồng bộ, hiệu quả.

6. An toàn thông tin mạng

- Triển khai các nhiệm vụ tại Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 23/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc tuân thủ quy định pháp luật và tăng cường bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; nâng cấp, mở rộng năng lực đáp ứng của các hệ thống an toàn thông tin tập trung.

- Tiếp tục triển khai Kế hoạch số 166/KH UBND ngày 14/10/2022 của UBND tỉnh về tăng cường đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động các cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 và Kế hoạch số 130/KH-UBND ngày 20/6/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Triển khai thực hiện Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030 trên địa bàn tỉnh, đồng thời; chỉ đạo các đơn vị trực thuộc Sở xây dựng hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn hệ thống thông tin đối với các hệ thống thông tin của đơn vị theo quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ và Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Triển khai công tác truyền thông nâng cao nhận thức, phổ biến kiến thức, kỹ năng về bảo đảm an toàn thông tin; kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin theo quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016; triển khai phương án ứng phó sự cố, các hoạt động của đội ứng cứu sự cố;

- Phối hợp với Công an tỉnh theo dõi, vận hành hệ thống tường lửa, hệ thống chuyển mạch trung tâm Sophos tại Sở nhằm tăng cường đảm bảo an toàn thông tin trong hoạt động của Sở; 100% hệ thống máy tính (*trừ máy tính dùng để soạn thảo văn bản mật*) đều được kết nối vào mạng nội bộ và mạng internet, hệ thống máy tính được cài đặt phần mềm phòng chống mã độc có bản quyền BKAVER Endpoint đạt tỷ lệ 100%. Tăng số lượng hệ thống thông tin được giám sát trực tiếp, có kết nối Trung tâm NCSC.

7. Chính quyền số

- Tiếp tục thực hiện Hệ thống thông tin báo cáo chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh; hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh; kết nối, tích hợp với Hệ thống theo dõi nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân tỉnh. Tổ chức khai thác Hệ thống Phòng họp không giấy dùng chung của Ủy ban nhân dân tỉnh gắn kết đồng bộ với công tác vận hành khai thác Hệ thống hội nghị truyền hình tỉnh Quảng Ngãi.

- Tiếp tục tăng cường triển khai thực hiện việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong nội bộ các cơ quan nhà nước và giữa cơ quan nhà nước với người dân, doanh nghiệp. Phân tích, xử lý dữ liệu về phát triển kinh tế, xã hội từ các nguồn khác nhau, từ đó tạo ra thông tin mới, dịch vụ dữ liệu mới phục vụ phát triển chính quyền điện tử hướng đến chính quyền số; xây dựng, tạo lập dữ liệu mở phục vụ người dân, doanh nghiệp khai thác, sử dụng, thúc đẩy phát triển các dịch vụ số.

8. Kinh tế số và xã hội số

- Tổ chức triển khai Kế hoạch số 153/KH-UBND ngày 16/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Đề án xác định chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số; phấn đấu đến hết năm 2025, có khoảng 50% (*khoảng 3.000 doanh nghiệp*) được đánh giá mức độ chuyển đổi số, làm cơ sở để thúc đẩy chuyển đổi số doanh nghiệp; triển khai thúc đẩy phát triển kinh tế số ngành, lĩnh vực¹; phát triển tên miền trong khu vực hộ kinh doanh cá thể và doanh nghiệp, từng bước hiện diện doanh nghiệp trên môi trường số, thúc đẩy thương mại điện tử, kinh doanh trên môi trường số².

- Tiếp tục triển khai thanh toán không dùng tiền mặt cho đối tượng người có công với cách mạng theo quy định.

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến kiến thức, đào tạo hướng dẫn về thanh toán không dùng tiền mặt đến người dân, doanh nghiệp bằng các hình thức thiết thực, hiệu quả.

¹ Theo Kế hoạch 114/KH-UBND ngày 21/5/2025.

² Theo Quyết định số 826/QĐ-BTTTT ngày 21/5/2024.

9. Nâng cao nhận thức

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức, kỹ năng phòng, tránh nguy cơ mất an toàn thông tin cho công chức, viên chức đơn vị; xóa bỏ tư tưởng cơ quan hành chính nhà nước thì không bị hacker tấn công.
- Tổ chức cuộc thi trên môi trường internet nhằm tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

III. DANH MỤC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

Danh mục các nhiệm vụ trọng tâm chuyển đổi số năm 2025 (*Có phụ lục 1, 2 được ban hành kèm theo Kế hoạch này*).

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

- Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, lãnh đạo cơ quan, đơn vị trong công tác chuyển đổi số; truyền thông, quán triệt nâng cao nhận thức của công chức, viên chức và người lao động trong thực hiện công tác chuyển đổi số và cải cách hành chính, nhất là người đứng đầu; chú trọng công tác tuyên truyền, phổ biến văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản của Tỉnh ủy, UBND tỉnh; kế hoạch hoạt động triển khai nội dung trọng tâm năm 2025 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 và tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo các mục tiêu đề ra.
- Tiếp tục thực hiện biện pháp, chính sách thu hút nhân lực; bồi dưỡng, phát triển nhân lực tại chỗ bằng các chính sách đãi ngộ trong tuyển dụng, chuyển ngạch nâng ngạch, nâng lương trước thời hạn, khen thưởng năm và khen thưởng chuyên đề.
- Hợp tác với các cơ quan, tổ chức liên quan, doanh nghiệp công nghệ để tìm hiểu giải pháp, công nghệ phục vụ chuyển đổi số, phát triển các ngành, lĩnh vực Nội vụ. Tiếp tục đầu tư, nâng cấp hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin, phần mềm ứng dụng đồng bộ, hiện đại đáp ứng được nhu cầu công việc.
- Tiếp tục đẩy mạnh triển khai dịch vụ công trực tuyến để phục vụ cho tổ chức, cá nhân trong việc giải quyết thủ tục hành chính. Thực hiện gắn kết chặt chẽ giữa cải cách TTHC với phát triển chính quyền số.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Chánh Văn phòng Sở

- Chủ trì, phối hợp, các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở triển khai thực hiện kế hoạch này; báo cáo Giám đốc Sở, Sở Khoa học và Công nghệ về kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ tại Kế hoạch này.
- Bảo đảm hạ tầng, đường truyền kết nối, quản lý, duy trì, vận hành, đáp ứng yêu cầu kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ phát triển Chính phủ điện tử, hướng tới Chính phủ số.
- Tham mưu cho Giám đốc Sở phân bổ kinh phí ngay sau khi cấp thẩm quyền phê duyệt kinh phí Chuyển đổi số năm 2025 và hướng dẫn thực hiện kinh phí để

triển khai kế hoạch này theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Lồng ghép sử dụng các nguồn hợp pháp khác cho chuyển đổi số như nguồn vốn từ các chương trình mục tiêu quốc gia; bố trí đầu tư các hạng mục có tính chất hạ tầng số tại các dự án đầu tư xây dựng; thực hiện kiểm tra việc sử dụng nguồn vốn đảm bảo theo quy định, quy trình quản lý, sử dụng hiệu quả.

- Tham mưu Giám đốc Sở cân đối, bố trí kinh phí chi cho nhiệm vụ chuyển đổi số nhằm đảm bảo tối thiểu 1% trong tổng chi NSNN hằng năm của Sở theo quy định tại Quyết định số 1557/QĐ-UBND 31/12/2022 của UBND tỉnh về Quy định về đảm bảo tỷ lệ chi ngân sách nhà nước hàng năm cho chuyển đổi số giai đoạn 2023 - 2025.

2. Trưởng các phòng, ban thuộc Sở, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở

- Triển khai có hiệu quả, đúng tiến độ các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này; đồng thời, chủ động rà soát, ban hành kế hoạch triển khai thực hiện đảm bảo theo quy định và báo cáo tiến độ, kết quả (trước ngày 15/11) về Sở (*qua Văn phòng Sở*) để tổng hợp, tham mưu Giám đốc Sở.

- Tiếp tục thực hiện đạt kết quả các mục tiêu, chỉ tiêu và nhiệm vụ, giải pháp theo Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 06/9/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 20/02/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; trong đó chú trọng các chỉ tiêu về hạ tầng mạng, an toàn thông tin, xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, dịch vụ công trực tuyến, số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực.

- Cập nhật dữ liệu đầy đủ, kịp thời và khai thác có hiệu quả các phần mềm dùng chung của tỉnh và các phần mềm do Bộ, Ngành triển khai.

- Chủ động đề xuất nội dung, nguồn kinh phí trong việc ứng dụng công nghệ thông tin tại đơn vị phù hợp với khung kiến trúc chính quyền điện tử và nội dung của kế hoạch.

Trên đây là Kế hoạch chuyển đổi số năm 2025 của Sở Nội vụ. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh đề nghị phản ánh kịp thời Giám đốc Sở (*qua Văn phòng Sở*) để xem xét, chỉ đạo thực hiện./.

(*Kế hoạch này thay thế Kế hoạch số 203/KH-SNV ngày 27/11/2024 của Sở Nội vụ*).

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (B/cáo);
- Sở Khoa học - Công nghệ;
- Sở nội vụ: Giám đốc Sở, các Phó Giám đốc Sở;
- Các phòng, ban đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT..

Tạ Công Dũng

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
SỞ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 1
NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ PHÂN CÔNG THỰC HIỆN
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-SNV ngày /9/2025
của Giám đốc Sở Nội vụ)

TT	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
1	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt tỷ lệ 95% thủ tục hành chính có đủ điều kiện	Các Phòng, ban, đơn vị thuộc Sở	Văn phòng Sở
2	Hồ sơ trực tuyến toàn trình của các dịch vụ công trực tuyến đạt tỷ lệ trung bình tối thiểu 60%	Các Phòng, ban, đơn vị thuộc Sở	Văn phòng Sở
3	Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất giữa các nền tảng, hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thông qua định danh điện tử VNeID đạt 100%.	Các Phòng, ban, đơn vị thuộc Sở	Công an tỉnh
4	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử đạt 100%.	Các Phòng, ban, đơn vị thuộc Sở	Văn phòng Sở
5	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp hài lòng trong giải quyết thủ tục hành chính đạt 90%.	Các Phòng, ban, đơn vị thuộc Sở	Văn phòng Sở
6	Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh kết nối với Hệ thống thông tin cáo cáo Chính phủ	Văn phòng Sở	Các Phòng, ban, đơn vị thuộc Sở
7	100% nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao; của UBND tỉnh giao được theo dõi, giám sát, đánh giá bằng dữ liệu số	Văn phòng Sở	Các Phòng, ban, đơn vị thuộc Sở
8	100% các thông tin, dữ liệu của địa phương được tích hợp, kết nối, chia sẻ với các hệ thống thông tin của Chính phủ, Trung ương Đảng, Quốc hội.	Văn phòng Sở	Các Phòng, ban, đơn vị thuộc Sở
9	Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc	Văn phòng Sở	Các Phòng, ban, đơn vị thuộc Sở

TT	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	thuộc phạm vi bí mật nhà nước) tại cấp tỉnh đạt 100%; cấp xã đạt 80%.		
10	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử trong lĩnh vực thương mại đạt trên 80%	Phòng Lao động - Việc làm và An toàn lao động	
11	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 50%.	Phòng Lao động - Việc làm và An toàn lao động	
12	Trung tâm dữ liệu tỉnh đảm bảo hạ tầng phục vụ các cơ sở dữ liệu cấp tỉnh, cơ sở dữ liệu dùng chung khác theo quy định của pháp luật	Văn phòng Sở	Các Phòng, ban, đơn vị thuộc Sở
13	Tỷ lệ phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước đạt 100%, tỷ lệ triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ của các cơ quan nhà nước đạt 100%	Văn phòng Sở, Các đơn vị trực thuộc Sở	Công an tỉnh
14	Tỷ lệ các cơ quan cấp tỉnh, UBND cấp xã triển khai giải pháp sẵn sàng phục hồi nhanh hoạt động của hệ thống thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp khi gặp sự cố, đưa hoạt động trở lại bình thường trong vòng 24 tiếng hoặc theo yêu cầu nghiệp vụ đạt 100%.	Văn phòng Sở, Các đơn vị trực thuộc Sở	Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng tỉnh

PHỤ LỤC 2
DỰ KIẾN NHIỆM VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ KINH PHÍ NĂM 2025
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-SNV ngày /9/2025
của Giám đốc Sở Nội vụ)

TT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì, phối hợp thực hiện	Dự kiến kinh phí thực hiện (ĐVT: triệu đồng)	Nguồn vốn	Ghi chú
1	Hệ thống quản lý cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Quảng Ngãi (thuê dịch vụ)	Phòng Công chức, viên chức	3.463	CTX, NST	Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 27/5/2025; Kế hoạch số 4664/KH-UBND ngày 25/12/2024
2	Nâng cấp, cập nhật sửa đổi bộ tiêu chí đánh giá Chỉ số CCHC trên phần mềm và bổ sung một số tính năng, chức năng bảo mật cho hệ thống phần mềm chấm điểm chỉ số CCHC	Phòng Cải cách hành chính - thanh niên và Văn thư - Lưu trữ	239	CTX, NST	Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 15/11/2024; 4664/KH-UBND ngày 25/12/2024
3	Nâng cấp Phần mềm quản lý và phục vụ khai thác sử dụng tài liệu lưu trữ	Trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh	90	CTX, NST	Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 15/11/2024; 4664/KH-UBND ngày 25/12/2024
4	Số hóa tài liệu lưu trữ lịch sử giai đoạn 2023-2025 (tài liệu từ năm 1991-2013) và triển khai Hệ thống Quản lý hồ sơ lưu trữ điện tử tỉnh	Phòng Cải cách hành chính - thanh niên và Văn thư - Lưu trữ; Trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh	9.659	CTX, NST	Kế hoạch số 4664/KH-UBND ngày 25/12/2024
5	Số hóa tài liệu Sở Nội vụ	Văn phòng Sở	400	CTX, NST	Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 27/5/2025

6	Chỉnh lý số hóa hồ sơ tài liệu giải quyết thủ tục hành chính Người có công	Phòng Người có công	2.000	CTX, NST	Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 27/5/2025
7	Chi phí quản trị, vận hành Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh	Văn phòng Sở	61	CTX, NST	Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 27/5/2025
8	Chi phí quản trị, vận hành Phần mềm, cơ sở dữ liệu chuyên ngành	Văn phòng Sở	112	CTX, NST	Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 27/5/2025
9	Chi phí quản trị, vận hành hệ thống, phần mềm khác của các cơ quan nhà nước	Văn phòng Sở	34	CTX, NST	Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 27/5/2025
10	Kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin Hệ thống thông tin nội bộ của Sở đã được phê duyệt cấp độ an toàn thông tin cấp độ 2 tại Cơ sở 2 (Sở Lao động, Thương binh và Xã hội cũ)	Văn phòng Sở	150	CTX, NST	Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 15/11/2024
11	Nâng cấp, mua sắm mới các thiết bị mạng tại cơ sở 2 (Sở Lao động, Thương binh và Xã hội cũ)	Văn phòng Sở	150	CTX, NST	Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 15/11/2024
12	Gia hạn bản quyền (license) cho thiết bị tường lửa Sophos XG 230 tại cơ sở 2 (Sở Lao động, Thương binh và Xã hội cũ)	Văn phòng Sở	120	CTX, NST	Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 15/11/2024
	TỔNG CỘNG:		16.478		